

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/DS-ST

Ngày: 06-10-2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào;

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G1, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G1 tham gia phiên tòa: Ông Cao Thế Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G1, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) K;

Địa chỉ: Số 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh K;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A - Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Tuấn A là: Ông Trịnh Cẩm T, sinh năm 1976 - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch B, Ngân hàng TMCP K (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh K.

2. *Bị đơn:* Bà B - sinh năm 1934 và ông H - sinh năm 1968 (đều vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G1, tỉnh K.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Danh Thanh Ph - sinh năm 1985 (vắng mặt);

+ Ông Danh T - sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G1, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần K và người đại diện theo ủy quyền ông Trịnh Cẩm T trình bày: Vào ngày 02/6/2014, bà B cùng con là ông H có đến Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch B vay số tiền là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số

KN1907/HĐTD ngày 02/6/2014; Mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp + chăn nuôi; Thời hạn vay 24 tháng, ngày đến hạn là 04/6/2016; Lãi suất trong hạn: 1,2% tháng; Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng tiền gửi tiết kiệm VNĐ của kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng K tại thời điểm thay đổi lãi suất công biên độ 4,77%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức thanh toán: Lãi trả là 06 tháng/lần và gốc trả cuối kỳ.

Đồng thời, Bà B và ông H có làm hợp đồng thế chấp tài sản số KN1907/HĐTC ngày 02/6/2014 là 01 giấy CNQSD đất số N 038281, tờ bản đồ số 1, thửa số 117, 209 và thửa 210, diện tích là 22.942m², được UBND huyện G1 cấp ngày 17/5/2002, tọa lạc tại ấp X, Xã T, huyện G1, tỉnh K do Bà B đứng tên trên giấy. Từ khi vay đến nay, Bà B và ông H không có trả vốn gốc và lãi cho Ngân hàng. Hiện nay, hồ sơ vay đã quá hạn 05 năm.

Nguyên vọng: Ngân hàng TMCP K - phòng giao dịch B yêu cầu bà B cùng con là ông H trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền vốn gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/10/2020 là 280.494.681 đồng (Trong đó: Nợ gốc 130.000.000đ, lãi trong hạn 36.881.000đ và lãi quá hạn 113.613.681đ) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số KN1907/HĐTD ngày 02/6/2014 cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp bà B và ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 34.539.485 đồng ông Trịnh Cẩm T là người đại diện theo ủy quyền lại xin rút yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi và yêu cầu Tòa án đình chỉ xét xử.

Bị đơn bà B không có mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến nay thì Bà B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng Bà B vẫn không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà trong vụ án này.

Đối với đồng bị đơn ông H cũng không có mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến nay Tòa án đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật và Bà B nhận thay ông H nhưng ông H vẫn không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông H trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Thanh Ph trình bày: Vào ngày 02/3/2019, tôi và ông H có thỏa thuận cầm cố diện tích đất là 07 công tầm 3 mét, tọa lạc tại ấp X, Xã T, huyện G1, tỉnh K với giá 38 chỉ vàng 24k loại vàng 9999%, thời hạn là 03 năm chuộc lại, nếu đến hạn ông H không chuộc lại thì tôi tiếp tục làm. Tôi chỉ biết là cầm cố 07 công tầm 3 mét nhưng diện tích đất này tôi không biết số thửa và số tờ bản đồ. Còn giấy CNQSD đất thì tôi không biết Bà B hay ông H đứng tên vì ông H không có cho tôi xem giấy CNQSD đất. Khi tôi và ông H cầm cố đất với nhau thì Bà B có biết không thì tôi không biết vì tôi không có gặp Bà B. Lúc tôi cầm cố diện tích đất nêu trên với ông H thì ông H đã thế chấp vay tiền tại Ngân hàng rồi và ông H nói vay có ba mươi mấy triệu thôi chứ không biết vay bao nhiêu tiền.

Do trước đây lúc tôi cầm cố đất với ông H nên tôi thấy và biết ông H canh tác đất nên tôi mới cầm cố, khi cầm cố tôi không có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H và biết ông H đã thế chấp để vay tiền ở Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, Bà B trả nợ cho Ngân hàng thì có liên quan đến việc tôi cầm cố đất nêu trên thì tôi sẽ làm đơn yêu cầu khởi kiện buộc ông H phải chuộc lại diện tích đất nêu trên và trả lại cho tôi 38 chỉ vàng 24k loại vàng 9999%.

Hiện nay, tôi chưa làm đơn khởi kiện yêu cầu độc lập và nộp án phí theo quy định của pháp luật nên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 10/9/2019 tôi sẽ làm các thủ tục khởi kiện yêu cầu độc lập nộp cho Tòa án, nếu hết 15 ngày mà tôi không làm các thủ tục khởi kiện và nộp án phí thì tôi từ bỏ quyền khởi kiện của tôi, tôi cam kết sẽ không khiếu nại về việc Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh T trình bày: Vào năm 2019, tôi và ông H, Bà B có thỏa thuận là ông H, Bà B có cho tôi thuê diện tích đất là 09 công tằm 3 mét, tọa lạc tại ấp X, Xã T, huyện G1, tỉnh K với giá là 16.000.000 đồng/năm, thời hạn là 01 năm và trả tiền trước. Khi làm hết 01 năm thì tôi trả đất lại. Hơn nữa, tôi chỉ thuê đất của Bà B và ông H thôi nên việc khởi kiện của Ngân hàng thì tôi không liên quan vì tôi làm hết năm 2019 là trả đất lại cho ông H, Bà B nên không có yêu cầu hay khởi kiện gì và tôi xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà B và ông H phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi tính đến ngày 06/10/2020 là 280.494.681 đồng. Trường hợp bà B và ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 34.539.485 đồng thì tại phiên tòa người đại theo ủy quyền là ông Trịnh Cẩm T xin rút yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử số tiền phạt chậm trả lãi này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với bà B và ông H là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà B, ông H là bị đơn và ông Danh Thanh Ph, ông Danh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng Bà B, ông H, ông Phương đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không lý do còn ông Tý có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 473, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Do đó, hai bên đương sự thừa nhận bà B, ông H có vay của Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch Bến Nhứt số tiền vốn gốc là 130.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay, phía Bà B, ông H không thanh toán được số tiền vốn gốc và lãi cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo qui định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự. Do đó, cần buộc Bà B, ông H phải trả cho Ngân hàng số nợ trên là có căn cứ.

Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng đến ngày xét xử là ngày 06/10/2020 thì Bà B, ông H còn nợ tiền lãi là 150.494.681 đồng. Việc tính lãi của Ngân hàng là đúng thỏa thuận trong hợp đồng vay và phù hợp với qui định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc Bà B, ông H phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 06/10/2020 là 280.494.681đ (Hai trăm tám mươi triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi một đồng).

[3] Xét về hợp đồng tín dụng số KN1907/HĐTD ký ngày 02/6/2014 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng Bà B và ông H không thực hiện đúng cam kết nên hợp đồng vay cho đến nay bên vay là Bà B, ông H đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, buộc Bà B, ông H phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số KN1907/HĐTC ký ngày 02/6/2014 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K với bà B và ông H có nêu rõ các điều khoản thi hành và được công chứng chứng thực đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo 01 giấy CNQSD đất số N 038281, tờ bản đồ số 1, thửa số 117, 209 và thửa 210, diện tích là 22.942m², được UBND huyện G1 cấp ngày 17/5/2002, tọa lạc tại ấp X, Xã T, huyện G1, tỉnh K do Bà B đứng tên trên giấy. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ là có căn cứ và

đúng theo quy định tại khoản 7 Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[5] Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần K yêu cầu Bà B, ông H tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016Al của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu phạt chậm trả lãi của Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền là 34.539.485 đồng, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại là ông Trịnh Cẩm Tú xin rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 217, 218, 219 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Đối với bà B và ông H, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà bà B tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo qui định của pháp luật, còn ông H không có ở nhà nên Bà B đã nhận thay ông. Đồng thời, Tòa án yêu cầu Bà B và ông H đến Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nhưng Bà B và ông H không đến Tòa án làm văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của Bà B và ông H. Từ đó, cho thấy Bà B và ông H đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt Bà B và ông H theo qui định của pháp luật.

[7] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Danh Thanh Ph thì HĐXX thấy rằng: Ông Phương có cầm cố diện tích đất là 07 công tằm 3 mét của ông H, với giá 38 chỉ vàng 24k là đúng sự thật. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu và thông báo cho ông Phương làm các thủ tục yêu cầu độc lập nhưng đến nay ông Phương cũng không thực hiện. Do đó, HĐXX không có căn cứ xem xét yêu cầu của ông Danh Thanh Ph. Còn ông Danh T không có yêu cầu độc lập và không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

Do đó, ông Danh Thanh Tý và ông Danh Thanh Ph có quyền khởi kiện ông H và bà B bằng một vụ kiện dân sự khác khi có phát sinh tranh chấp.

[8] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần K và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà B và ông H phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, trường hợp Bà B và ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng và chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng đã nộp là 4.900.000đ (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004109 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G1, tỉnh K.

Bà B và ông H phải nộp án phí là: $280.494.681đ \times 5\% = 14.024.734,05đ$ làm tròn là 14.025.000đ (Mười bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 351, 473, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với bà B và ông H.

Buộc bà B và ông H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền là 280.494.681đ (Hai trăm tám mươi triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi một đồng), gồm có số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 150.494.681 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà B, ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số KN1907/HĐTD ký ngày 02/6/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số KN1907/HĐTD ký ngày 02/6/2014, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà B, ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà B và ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện G1, tỉnh K xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo 01 giấy CNQSD đất số N 038281, tờ bản đồ số 1, thửa số 117, 209 và thửa 210, diện tích là 22.942m², được UBND huyện G1 cấp ngày 17/5/2012, tọa lạc tại ấp X, Xã T, huyện G1, tỉnh K do Bà B đứng tên trên giấy đề thu hồi nợ.

Khi bà B và ông H trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có nghĩa vụ trả lại 01 giấy CNQSD đất số N 038281, tờ bản đồ số 1, thửa số 117, 209 và thửa 210, diện tích là 22.942m², được UBND huyện G1 cấp ngày 17/5/2012, tọa lạc tại ấp X, Xã T, huyện G1, tỉnh K cho bà B và ông H.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với bà B và ông H về yêu cầu trả số tiền phạt chậm trả lãi là 34.539.485 đồng.

2. Án phí DSST là: 14.025.000đ (Mười bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng), buộc bà B và ông H phải nộp.

Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch B được nhận lại số tiền 4.900.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004109 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G1, tỉnh K.

3. Dương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 06/10/2020.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện G1;
- Chi cục THADS huyện G1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh